TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KV 3** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:245/2025/DS-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v tranh chấp: *"Thừa kế quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Bà Võ Thị Kim Son

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân KV 3 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân KV 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp *"Thừa kế quyền sử dụng đất"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Quốc T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã ĐT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. (nay là ấp ĐH, xã ĐT, thành phố Cần Thơ) (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Ngọc T, sinh năm 1966

Địa chỉ: ABC Quốc lộ DE, phường TN, quận TN, thành phố Cần Thơ. (Nay là ABC Quốc lộ DE, phường TN), thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Quốc Th, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ (Nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th:

+ Ông Đinh Công N, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số O đường BH N, KV 3, phường BT, quận BT, thành phố Cần Thơ (nay là Phường BT, thành phố Cần Thơ).

+ Bà Trần Kim Phan Th2, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.(Nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

- Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

+ Chị Võ Thị Phương Th3, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp ĐH, xã ĐT, huyện TL, thành phố Cần Thơ. (nay là Ấp ĐH, xã ĐT, thành phố Cần Thơ)

+ Ông Tô Hoàng P, sinh năm 1962 (vắng mặt).

+ Bà Lê Th N, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. (Nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

+ Ông Lê Thành D, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: L KV TTh, phường PT, quận CR, thành phố Cần Thơ (nay là LKV TTh, phường HP, thành phố Cần Thơ).

+ Ông Bùi Tấn G, sinh năm 1992 (vắng mặt).

+ Bà Võ Huỳnh TrT, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TTA, xã TTh1, huyện TL, thành phố Cần Thơ.(ấp TTA, xã TT1, thành phố Cần Thơ).

+ Văn phòng công chứng NVB(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TK, xã TTh1, huyện TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp TK, xã TT1, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Quốc T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha ông Võ Quốc T là ông Huỳnh Thiên S (chết ngày 25/3/2015), mẹ ông T là bà Nguyễn Thị Hồng Đ (chết ngày 30/3/2017), cha mẹ ông T đã ly hôn trước năm 1975 và sống riêng từ đó đến khi chết, bản án ly hôn của cha mẹ ông T đã thất lạc không cung cấp được. Bà Đ và ông S có 03 người con chung: Võ

Quốc T, Võ Quốc T3(sinh năm 1970, chết ngày 12/11/2018, không có vợ con) và Võ Quốc Th. Bà Đ và ông T3 chết để lại 01 căn nhà biệt thự trị giá khoảng 500.000.000 đồng và quyền sử dụng đất tại thửa 10XX, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/20O đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ có diện tích 976m^2 tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Bà Đ và ông T3 chết đều không để lại di chúc nên ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th thuộc diện thừa kế theo pháp luật đối với di sản trên. Tuy nhiên, vào năm 2009, ông T3 đã mượn của ông T và con gái ông T là Võ Huỳnh Phương Th3 08 lượng vàng 24k và 500.000.000 đồng, ông T3 có lập văn bản viết tay ngày 19/7/2009 đối với việc mượn tài sản này. Sau đó, ông T3đã trả được 08 lượng vàng 24k, đến khi ông T3 chết thì vẫn chưa trả cho ông T số tiền 500.000.000 đồng. Thời gian qua, ông T và ông Th đã Nều lần thỏa thuận phân chia di sản và N vụ trả nợ của ông T3 nhưng không thỏa thuận được. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

1/ Công nhận các tài sản gồm 01 căn nhà biệt thự trị giá khoảng 500.000.000 đồng và quyền sử dụng đất tại thửa 10XX, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/20O đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Hồng Đ có diện tích 976m^2 tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ là di sản của bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Võ Quốc T3.

2/ Yêu cầu ông Th trích từ khối di sản của ông T3 thanh toán cho ông Võ Quốc T và Võ Huỳnh Phương Th3 số tiền ông T3 còn nợ là 500.000.000 đồng.

3/ Yêu cầu cho ông Võ Quốc T được thừa kế phần di sản bằng 50% trong khối di sản của bà Đ và 50% trong khối di sản của ông T3 sau khi đã khấu trừ phần di sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông T3 là 500.000.000 đồng.

Ngày 21/12/2019 ông T có đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Điệp để lại gồm thửa đất số M, diện tích 251,9m^2, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

Theo đơn phản tố và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Võ Quốc Th trình bày:

Ông và ông Võ Quốc T3 là con chung của ông Võ Thành T4 (đã chết không rõ năm, cũng không có giấy khai tử) và bà Nguyễn Thị Hồng Đ (chết năm 2017) theo giấy khai sinh. Từ nhỏ, ông T ở với ngoại và lớn lên lập gia đình thì ông T ở bên vợ, còn ông và ông T3 thì sống cùng mẹ. Ông không biết ông Huỳnh Thiên S là ai. Từ nhỏ ông sống cùng mẹ và anh T3, ông không rõ ông T là anh cùng mẹ khác cha với ông hay là anh nuôi. Tuy Nên, cho đến thời điểm này, ông xác định cho dù ông T là anh ruột hay anh nuôi thì ông cũng không chối từ quan hệ anh em. Ông không yêu cầu giám định AND và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa về việc chứng minh quan hệ anh em với ông T.

Đối với phần tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa 10XX, tờ bản đồ số 3, có diện tích 976m^2 tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL là đều của ông T3 tạo lập và quyền sử dụng đất thửa 10XX do ông T3 đứng tên.

Khi ông T3 còn sống, ông T3 có vay tiền của bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 200.000.000 đồng, ông đã thay ông T3 trả số tiền này cho bà B, ngoài ra, ông T3 thế chấp quyền sử dụng đất cho ngân hàng, sau khi ông T3 chết thì ông cũng trả số nợ này với số tiền 810.000.000 đồng (số tiền này ông vay của ông Lê Thành D), tiền chăm sóc, ma chay, mồ mã cho ông T3 và bà Đ là khoảng 145.000.000 đồng, tiền sửa chữa nhà 244.928.000đồng, tổng các khoản này là 1.379.928.000đồng, yêu cầu tính lãi tiền lãi vay số tiền trả nợ ngân hàng cho ông T3 từ khi ông T3 chết đến nay với lãi suất 1,66%/tháng.

Đối với thửa đất M tờ bản đồ số 18 mà ông đã chuyển nhượng cho ông Bùi Tấn G, đó là tài sản riêng của ông, do ông P chuyển nhượng cho ông và ông chuyển nhượng cho ông G, không phải tài sản của ông T3 hay bà Đ. Mặc dù trước đây ông P có làm giấy tay chuyển nhượng cho mẹ ông là bà Đ nhưng chưa thực hiện việc chuyển nhượng và ông cũng không liên quan đến việc thỏa thuận giữa mẹ ông và ông P. Việc ông P trình bày ông có khởi kiện ông P đối với việc

ông P chuyển nhượng cho mẹ ông là có. Bởi vì khi mẹ ông chết, ông có thấy giấy thỏa thuận giữa ông P và mẹ ông nên ông đi kiện, tuy Nên sau khi luật sư tư vấn giấy đó không phát sinh hiệu lực nên ông đã rút đơn. Vì vậy, ông đã chấp nhận bỏ tiền ra mua lại phần đất đó của ông P. Giao dịch giữa ông và ông P không liên quan đến giao dịch của mẹ ông và ông P. Ông không đồng ý với yêu cầu của ông T về việc xác định thửa đất M là di sản của bà Đ.

Người có quyền lợi và N vụ liên quan chị Võ Thị Phương Th3 có người đại diện theo ủy quyền thống nhất với ý kiến của ông Võ Quốc T. Người đại diện theo ủy quyền của bà Th3 yêu cầu khi giải quyết Th toán số tiền 500.000.000 đồng mà ông Thằng nợ của ông T và bà Th3 thì bà Th3 đồng ý để ông T nhận toàn bộ số tiền đó.

Theo các lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi và N vụ liên quan ông Tô Hoàng P trình bày:

Vào năm 2004, ông có chuyển nhượng cho bà Đ phần đất thuộc thửa M, diện tích 251,9m^2 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp THA, thị trấn TL với giá 10.000.000 đồng nhưng hai bên chỉ làm giấy tay và ông T là người giao tiền cho ông. Đến năm 2019, ông Th khởi kiện ông yêu cầu làm thủ tục sang tên và T ủy quyền cho Th khởi kiện, khi hòa giải tại tòa thì hai bên thỏa thuận tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng, hai bên tự ra văn phòng công chứng chứng thực để làm thủ tục sang tên theo quy định, ông không nhận tiền của ông Th.

Người có quyền lợi và N vụ liên quan bà Lê Th N thống nhất với phần trình bày của ông P.

Người có quyền lợi và N vụ liên quan ông Lê Thành D trình bày:

Vào ngày 02/7/2019, ông Th có vay ông số tiền 700.000.000đồng để trả nợ ngân hàng, hai bên có làm biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, ông Th chỉ mới trả lãi được 04 tháng. Khi ông giao tiền cho ông Th thì ông và ông Th đến Ngân hàng K phòng giao dịch CR để làm thủ tục tất nợ. Ông Th hứa khi nào Tòa án giải quyết xong sẽ trả số tiền này cho ông nên ông không yêu cầu độc lập

trong vụ án, nếu ông Th vi phạm thỏa thuận thì ông sẽ khởi kiện riêng thành vụ án khác.

Người làm chứng bà Tô Thị Hồng Strình bày:

Bà là em ruột của bà Đ, từ nhỏ ông T không sống chung với bà Đ, thời gian bà Đ bệnh đến lúc qua đời thì ông T không chăm sóc, phụng dưỡng, ông Th là người trực tiếp chăm lo cho bà Đ và lo hậu sự. Đến khi ông T3 qua đời cũng do ông Th chăm lo, ông T không quan tâm đến. Khi ông T3 còn sống đã vay ngân hàng và thế chấp tài sản, bà là dì nhiều lần cùng ông Th đến nhà ông T để thương lượng tiếp trả nợ cho ông T3 để giữ nhà hương khói thờ phụng nhưng ông T không đồng ý trả nợ của em trai mình mà đòi bán tài sản và gây cản trở tranh giành thừa kế.

***Tại phiên tòa sơ thẩm**:*

Nguyên đơn đồng ý cấn trừ vào giá trị di sản của ông T3 các khoản:

+ Nợ Ngân hàng (ông Th đã Th toán thay ông T3): 810.000.000 đồng, lãi 600.000.000 đồng.

+ Nợ bà Bé B (ông Th đã Th toán thay ông T3): 200.000.000 đồng;

+ Tiền tổ chức ma chay cho ông T3(ông Th đã Th toán): 145.000.000 đồng;

+ Tiền sửa chữa căn nhà trên thừa đất 10XX (ông Th đã Th toán): 244.928.000 đồng;

+ Tiền nợ ông Võ Quốc T: 500.000.000 đồng;

+ Chi phí quản lý tài sản 10% giá trị di sản còn lại (ông Th được nhận).

Bị đơn đồng ý cấn trừ vào giá trị di sản của ông T3 số tiền ông T3 còn nợ nguyên đơn 500.000.000đồng, thống nhất chia gia trị thửa đất M nhưng yêu cầu tiếp tục giao ông Bùi Tấn G quản lý, sử dụng vì bị đơn đã chuyển nhượng cho ông G đúng trình tự pháp luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến

khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đã vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và ông Th tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV 3 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 26; M; 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định người thừa kế theo pháp luật: Theo ông T xác định, ông với ông Th và ông T3 là con ruột ông Huỳnh Thiên S và bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Sau khi cha ông chết thì mẹ ông mới sống cùng ông T4. Vì vậy, cả 03 anh em của ông được đổi họ Võ theo ông T4 để tiện đi học (vì cha ruột ông là sĩ quan ngụy nên không theo họ cha để tránh lý lịch xấu). Ông Th không đồng ý với lời ông T trình bày, ông cho rằng không biết ông S là ai. Căn cứ các tài liệu chứng mà các bên đương sự giao nộp (bản khai nhân khẩu, giấy khai sinh) thể hiện ông T và ông Th, ông T3có cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Hồng Đ, cha ông T là ông Huỳnh Thiên S, cha ông Th và ông T3 là ông Võ Thành T4. Cả ông T3, ông Th và ông T có mối quan hệ huyết thống (anh em ruột) do cùng một người mẹ sinh ra. Ông Th cũng không phủ nhận mối quan hệ anh em với ông T. Căn cứ quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự thì ông T và ông Th thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ và là hàng thừa kế thứ hai của ông T3.

[3] Về di sản thừa kế: Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định di sản gồm thửa đất 10XX, thửa M (bà Đ nhận chuyển nhượng của ông P từ năm 2004), 01 căn nhà và vật kiến trúc trên thửa 10XX. Bị đơn cho rằng căn nhà và quyền sử dụng đất thửa 10XX là di sản của ông T3, thửa M do ông G đứng tên thì không phải di sản thừa kế. Tuy Nên, trường hợp

ông T đồng ý giữ nguyên hiện trạng thừa M cho ông G sử dụng thì ông cũng đồng ý chia giá trị đối với thửa đất này (đồng ý xác định thửa M là di sản thừa kế).

[3.1] Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 10XX do ông T3 đứng tên có nguồn gốc do bà Đ tặng cho. Căn nhà trên đất do ông T3 lập hồ sơ, bảng vẽ xây dựng, ký hợp đồng xây dựng. Cả ông T và ông Th đều thừa nhận đây là tài sản của ông T3. Cho đến thời điểm mở thừa kế, ông T3 vẫn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này. Ông T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với căn nhà và đất tại thửa 10XX là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Đối với thửa đất M, diện tích 251,9m^2 tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp THA, thị trấn TL do ông Tô Hoàng P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/5/2019. Theo ông P xác định, vào năm 2004 ông có chuyển nhượng cho bà Đ toàn bộ thửa M, việc chuyển nhượng có lập văn bản viết tay. Ông đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng (do bà Đ giao ông T trực tiếp trả cho ông) và cũng đã giao đất cho bà Đ và ông T3 sử dụng từ năm 2004. Sau khi bà Đ và ông T3 chết, ông T có ủy quyền cho ông Th khởi kiện ông để yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng của bà Đ. Trong quá trình tòa án thụ lý vụ án thì ông P và ông Th đã thỏa thuận được nên ông Th đã rút đơn. Vì ông P nghĩ ông T đã ủy quyền cho ông Th nên ông đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Th toàn bộ thửa đất số M. Ông Th xác định có việc ông T ủy quyền cho ông Th kiện ông P và có rút đơn khởi kiện. Tuy Nên, ông Th cho rằng việc nhận chuyển nhượng thửa đất M là từ tiền cá nhân của ông, không phải tiếp tục hợp đồng của bà Đ. Ông P cho rằng đã nhận xong tiền của bà Đ nên không nhận tiền từ ông Th, ông Th xác định giao tiền mặt, không làm biên nhận và không ai chứng kiến.

Căn cứ vào hiện trạng thửa đất số M, tại thời điểm phát sinh tranh chấp, trên thửa đất đã có mồ của bà Đ và ông T3. Điều này chứng tỏ, lời trình bày của ông P về việc đã giao đất cho ông T3 và bà Đ sử dụng từ năm 2004 là có cơ sở.

Mồ của bà Đ đã có trên đất trước thời điểm ông P ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Th. Điều đó cho thấy, về thực tế, việc chuyển nhượng đã hoàn thành từ năm 2004. Tại phiên tòa, ông T đồng ý không nhận hiện vật đối với cả hai thửa 10XX và M. Ông Th đống ý hoàn giá trị các thửa đất nêu trên (10XX và M) tương ứng kỷ phần mà ông T được nhận theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th với ông G. Về hình thức, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th và ông G đúng quy định pháp luật. Vì vậy, khi ông Th chuyển nhượng cho ông G thì trình tự thủ tục vẫn tuân thủ đúng quy định pháp luật, ông G hiện đang quản lý, sử dụng và đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa M và trường hợp này, ông G được xác định là người thứ ba ngay tình. Tại phiên tòa, ông Th và ông T thống nhất giữ nguyên hiện trạng thửa đất M cho ông G sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất. Ông T rút lại yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P, bà N với ông Th; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Th và ông G. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông P với ông Th và giữa ông Th với ông G .

[5] Bà Đ chết năm 2025, Ông T3 chết năm 2018 không có vợ con và không để lại di chúc. Cho đến thời điểm tranh chấp thì người hưởng thừa kế của bà Đ là ông T3 cũng đã chết. Vì vậy, hàng thừa kế của bà Đ và ông T3 chỉ có ông Th và ông T nên phần di sản của ông T3 và bà Đ sẽ chia đều 02 phần bằng nhau cho ông T và ông Th.

[6] Tại phiên tòa, ông T và ông Th thống nhất trả cho ông Th thù lao quản lý di sản là 10% giá trị di sản trước khi phân chia. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 618 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của ông T và ông Th.

[7] Theo quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự, trước khi phân chia di sản thì phải Th toán các N vụ về tài sản và các khoản chi phí liên quan. Ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th thống nhất xác định giá trị tài sản theo kết quả định giá của Công ty TNHH thẩm định giá và đào tạo Song Pha ngày 10/11/2020. Tổng giá trị di sản là 5.390.972.125 đồng .

Giá trị di sản còn lại sau khi trừ các N vụ về tài sản và chi phí liên quan: 5.390.972.125 đồng – (810.000.000 đồng + 600.000.000 đồng + 200.000.000 đồng + 145.000.000 đồng + 244.928.000 đồng + 500.000.000 đồng) = 2.8DE.044.125 đồng.

Phí quản lý di sản 10%: 2.8DE.044.125 đồng x 10% = 289.104.412 đồng.

[8] Kỷ phần của ông Th và ông T được xác định: 2.8DE.044.125 đồng – 289.104.412 đồng = 2.601.939.713 :2 = 1.300.696.856 đồng. Hội đồng xét xử giao toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông Th quản lý, sử dụng. Ông Th có N vụ hoàn lại cho ông T số tiền 1.300.696.856 (kỷ phần thừa kế) và 500.000.000 đồng (Th toán nợ ông T3). Đồng thời, ông Th có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 10XX cùng căn nhà trên đất.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm:

[9.1] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th mỗi người phải chịu 51.020.9O đồng án phí tương ứng với giá trị di sản được nhận. Ngoài ra, ông Võ Quốc Th phải chịu 24.000.000 đồng án phí đối với số tiền 500.000.000 đồng trả cho ông T, tổng số tiền án phí ông Võ Quốc Th phải nộp là 75.020.9O đồng.

[9.2] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157 và Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự, chi phí tố tụng gồm 7.000.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 4.000.000đồng chi phí giám định chữ ký. Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 5.500.000đồng, bị đơn có trách Nệm hoàn trả cho nguyên đơn 5.500.000đồng do nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 618; Điều 658, 660 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều M, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 160; Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ quốc T và yêu cầu phản tố của ông Võ Quốc Th. Công nhận sự thỏa thuận của ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th. Cụ thể:

1.1. Giao ông Võ Quốc Th được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 10XX, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/20O đứng tên ông Võ Quốc T3có diện tích 976m^2 tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

(Vị trí thửa đất theo bản trích đo địa chính số: 19/TTKTTNMT ngày O/5/2022 của Trung T4 kỹ thuật Tài nguyên và môi TT1 phố Cần Thơ. (Đính kèm bản án).

1.2. Ông Th được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất sang tên ông Th đối với nhà và đất tại thửa 10XX, tờ bản đồ số 3, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00019 ngày 19/01/20O đứng tên ông Võ Quốc T3 có diện tích 976m^2 tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ).

1.3. Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền rà soát có thuộc trường hợp phải thực hiện N vụ tài chính khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không để điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Giao ông Bùi Tấn G được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số M, diện tích 251,9m^2, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp THA, thị trấn TL, huyện

TL, thành phố Cần Thơ (nay là ấp THA, xã TL, thành phố Cần Thơ) (do ông Th đã chuyển nhượng cho ông G và ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(Vị trí thửa đất theo bản trích đo địa chính số: 19/TTKTTNMT ngày O/5/2022 của Trung T4 kỹ thuật Tài nguyên và môi TT1 phố Cần Thơ. (Đính kèm bản án).

1.5. Buộc ông Võ Quốc Th có N vụ hoàn lại cho ông Võ Quốc T giá trị kỷ phần di sản mà ông T được hưởng cùng số tiền nợ phải Th toán cho ông T: 1.300.696.856 đồng + 500.000.000 đồng = 1.800.696.856 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều M7, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Quốc Th với ông Bùi Tấn G số chứng thực 757, quyển số 01 ngày 23/4/2021 tại Văn Phòng Công chứng NVBvà hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tô Hoàng P, bà Nguyễn Th N với ông Võ Quốc Th số chứng thực 2699, quyển số 01 ngày 27/12/2019 tại Văn Phòng Công chứng NVB.

3. Về chi phí tố tụng: ông Võ Quốc T và ông Võ Quốc Th mỗi người phải chịu 5.500.000đồng, do ông T đã nộp tạm ứng xong nên ông Th có N vụ hoàn lại cho ông T số tiền 5.500.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Võ Quốc T phải chịu 51.020.9O đồng, chuyển 18.368.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003457 ngày 21/8/2019 và số tiền 2.565.845 đồng theo biên lai thu số 015424 ngày 31/12/2019 thành án phí,

ông T phải nộp thêm 30.087.060đồng tại Phòng thi hành án dân sự KV 3 – Cần Thơ.

4.2. Ông Võ Quốc Th phải chịu 75.020.9O đồng, chuyển 16.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 016018 ngày 16/11/2020 thành án phí, ông Th phải nộp thêm 59.020.9O đồng tại Phòng thi hành án dân sự KV 3 – Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS KV3-CT;
- Phòng THADS KV3-CT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Diễm